TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **139**/2017/DS-ST
Ngày: 04/12/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Thanh Tuyến.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2017/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1960.

ĐKHKTT: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc L, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị Th, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng C và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Huỳnh Ngọc L trình bày:

Vào ngày 16/6/2015, bà C có cho bà Th vay số tiền là 100.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn vay 20 tháng, mục đích vay bà Th nói là để bổ sung vốn làm ăn. Khi vay hai bên có làm giấy nhận nợ và cam kết ngày 10 âm lịch hàng tháng bà Th gửi trả cho bà C số tiền 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Giấy nhận nợ này do chị Trần Thị Th - con của bà Thu viết và chị Th cùng bà Th có ký tên. Chị Th ký tên chỉ với tư cách làm chứng chứ không vay tiền hay nhận tiền của bà C. Tuy nhiên sau khi viết giấy nợ thì bà Th không thực hiện như cam kết mặc dù bà C đã đòi nhiều lần.

Nay bà Nguyễn Thị Hồng C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị Th có trách nhiệm trả cho bà C số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong bản tự khai ngày 05/6/2017 và các lời khai khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Đoàn Thị Th trình bày:

Vào năm 2010, bà có vay tiền của bà C, vay nhiều lần với tổng số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Mục đích vay tiền là để trị bệnh cho mẹ của bà. Hai bên có thỏa thuận miệng là khi nào có tiền bà sẽ trả cho bà C. Bà đã đóng lãi hàng tháng đầy đủ cho bà C từ khi vay đến năm 2015 bà không còn khả năng đóng lãi tiếp nên bà có năng nỉ bà C cho bà trả vốn dần dần, bà C đồng ý kèm theo điều kiện là bà phải trả thêm cho bà C 50.000.000 đồng tiền lãi nữa, tổng cộng nợ gốc và lãi là 100.000.000 đồng. Bà C yêu cầu bà làm giấy nhận nợ với nội dung là bà có nợ của bà C số tiền là 100.000.000 đồng nên bà đồng ý. Giấy nợ mà bà C cung cấp cho Tòa án là do con bà là Trần Thị Th viết, trừ dòng chữ "ngày 16-06-2015" là do bà viết và bà có ký tên, Trần Thị Th ký tên vào giấy này với tư cách là người làm chứng chứ không có vay tiền của bà Cẩm, Trần Thị Th không có liên quan gì trong việc này. Bà thừa nhận có nợ theo giấy nợ của bà C là 100.000.000 đồng. Bà hứa mỗi tháng trả cho bà C 5.000.000 đồng, bà đã thực hiện đúng. Nhưng gần đây bà bệnh nên không có khả năng trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho bà C nên bà có nói với bà C cho bà trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Từ ngày ghi giấy nợ đến nay, bà đã trả cho bà C tổng cộng 82.000.000 đồng, gồm 14 tháng trả 5.000.000 đồng và 06 tháng trả 2.000.000 đồng, cộng với số tiền lãi bà đã đóng cho bà C từ năm 2010 đến nay là bao nhiêu bà không rõ, việc đóng lãi cũng không có giấy tờ, chỉ có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Mỹ L (ấp H, xã N, huyện T). Bà L là chủ hụi của bà, bà có hốt hụi và nhờ bà L đưa cho bà C 02 lần với số tiền là tổng cộng 10.000.000 đồng. Hiện tại bà chỉ còn nợ của bà C số tiền là 18.000.000 đồng và bà chỉ đồng ý trả số tiền này. Đối với số tiền lãi đã đóng bà yêu cầu được tính lại.

Tại phiên tòa, bà Th vẫn giữ nguyên lời trình bày như đã có trong hồ sơ, bà chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền còn nợ lại là 18.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị Mỹ L, bà Lệ trình bày:

Trước đây bà làm chủ hụi, bà Th là hụi viên. Đến ngày bà Th hốt hụi là vào năm 2016 với số tiền khoản 8.000.000 đồng. Tuy nhiên, chưa đến ngày bà giao số tiền hụi này cho bà Th thì bà Th bị bà Cẩm đòi nợ. Bà Th có đưa điện thoại cho bà nói chuyện với bà C, bà có hứa với bà C là sẽ giao số tiền 5.000.000 đồng cho bà C vì bà Th đồng ý. Sau đó, bà giao số tiền 5.000.000 đồng cho bà C, số tiền còn lại bà đã giao cho bà Th xong. Khi giao số tiền 5.000.000 đồng cho bà C, bà chỉ biết là bà giao dùm số tiền mà bà Th nợ của bà Cẩm chứ bà không hề biết vấn đề nợ nần giữa bà C và bà Th như thế nào. Do đó, bà không có liên quan gì cả, bà xin không tham gia trong vụ án.

Đối với các ý kiến bằng văn bản của bà Nguyễn Thị Mỹ L và bà Huỳnh Thị Ngọc H do bà Thu cung cấp cho Tòa án, các ý kiến này đều không có phần xác nhận chữ ký của cơ quan có thẩm quyền để xác định đó có đúng thật là ý kiến của bà L, bà H hay không. Tòa án đã ấn định thời hạn cho bà Đoàn Thị Th cung cấp ý

kiến bằng văn bản của bà L và bà H (nếu có) và phải có phần xác nhận chữ ký của bà L và bà H của cơ quan có thẩm quyền cho Tòa án để Tòa án làm cơ sở giải quyết vụ án. Tuy nhiên, bà Th không cung cấp được.

Tại biên bản đối chất giữa bà Nguyễn Thị Hồng C và bà Đoàn Thị Th ngày 29 tháng 9 năm 2017, bà C và bà Th trình bày như sau:

Bà C cho rằng bà Th vay của bà số tiền là 100.000.000 đồng có viết giấy tay mượn tiền, chưa trả cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả cho bà C số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trước thời điểm 16/6/2015, bà cũng có cho bà Th vay tiền nhiều lần, nhưng những lần đó bà Th vay và trả đúng như thỏa thuận, hai bên không xảy ra tranh chấp. Chỉ có lần này bà Th vay mà không chịu trả cho bà.

Về tờ giấy tay ghi tên "Chị 5 C 2015" mà bà Th nộp cho Tòa án là do bà viết. Tuy nhiên, bà chỉ viết nội dung "Chị 5 C 2015 Chị Thu mượn 100.000 triệu một trăm triệu mỗi tháng trả 5 triệu kể từ ngày mùng 10-7-2015 trở lên đóng cho đến 20 tháng hết". Còn đối với những nội dung khác như về số tiền theo dõi đóng hàng tháng bà không có ghi, cũng như không nhận được bất cứ số tiền nào từ bà Th. Lý do bà viết giấy này cho bà Th giữ mục đích là để bà Th nhớ ngày đóng tiền hàng tháng cho bà.

Bà Th đồng ý có vay tiền của bà C nhiều lần với tổng cộng số tiền là 50.000.000 đồng nhưng bà và bà C cùng đồng ý thống nhất bà viết giấy nợ có vay của bà C số tiền là 100.000.000 đồng nhưng trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Sau đó, bà đã có trả dần cho bà C tổng cộng là 82.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 18.000.000 đồng và bà chỉ đồng ý trả 18.000.000 đồng này cho bà C. Căn cứ để bà cho rằng đã trả cho bà C 82.000.000 đồng là căn cứ vào tờ giấy tay ghi tên "Chị 5 Cẩm 2015".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Do có quen biết với nhau nên giữa bà Nguyễn Thị Hồng C và bà Đoàn Thị Th có thỏa thuận giao dịch với nhau về việc vay tài sản. Hai bên đương sự thống nhất với nhau cùng thực hiện hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, giữa nguyên đơn và bị đơn khai không thống nhất về các khoản tiền vay.

Căn cứ vào giấy mượn tiền do bà Đoàn Thị Th ký tên (do con của bà Th là chị Trần Thị Th viết hộ) thì đây là hợp đồng vay tiền có thời hạn, là sự tự nguyện của các bên đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là có căn cứ, bởi vì căn cứ vào giấy mượn tiền mà bà Th thừa nhận do chính con của bà Thu là chị Trần Thị Th viết hộ và bà ký tên. Trong tờ giấy mượn tiền ghi rõ nội dung "Tôi: Đoàn Thị Th, sinh năm 1960, ấp H xã N. có mượn chị C số tiền là 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng)". Như vậy, xác định số tiền mà bà Th vay của bà C là 100.000.000 đồng, không có lãi. Do đó, bà C yêu cầu bà Th có trách nhiệm trả cho bà C số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với lời trình bày của bà Th, bà thừa nhận có vay tiền của bà Hồng C nhiều lần, từ năm 2011-2012, tổng cộng chung là 50.000.000 đồng. Sau đó, bà không có tiền trả lại cho bà C nên bà đồng ý việc nhờ con của bà là chị Trần Thị Th viết hộ giấy nhận nợ số tiền nợ vay của bà C là 100.000.000 đồng và bà trả dần cho bà C mỗi tháng 5.000.000 đồng là không có cơ sở. Như phân tích phần trên thì chính bà Th ký vào giấy tay nhận nợ số tiền là 100.000.000 đồng, bà không chứng minh được lời trình bày của bà về việc bà chỉ có nợ của bà C số tiền là 50.000.000 đồng.

Đối với giấy tay bà Th cung cấp cho Tòa án mà theo bà Th cho rằng đó là sổ theo dõi việc bà trả dần tiền nợ cho bà C mỗi tháng là 5.000.000 đồng và 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy giấy tay do bà tự viết và bà C không thừa nhận nên không thể chấp nhận được việc bà đã có trả dần số nợ cho bà C. Ngoài ra, bà Th còn trình bày về việc bà L đã có đưa cho bà Cẩm 5.000.000 đồng; Bà L cũng cho rằng có đưa số tiền 5.000.000 đồng là tiền bà Th hốt hụi của bà L trả cho bà C và với giấy xác nhận của bà Huỳnh Thị Ngọc H cho rằng có giao cho bà C số tiền là 5.000.000 đồng; Việc này bà C cũng không thừa nhận; Bà L và bà Th cũng chỉ trình bày miệng, không có cơ sở chấp nhận được lời trình bày của bà L và bà Th nên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc bà Th đã có trả dần số tiền nợ cho bà C tổng cộng là 82.000.000 đồng. Bà Th đồng ý trả số tiền còn nợ của bà C là 18.000.000 đồng là không có căn cứ, cần buộc bà Th phải có trách nhiệm trả cho bà C số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng.

Nhiều lần bà C có yêu cầu bà Th phải trả số tiền nợ gốc theo hợp đồng cho bà C nhưng bà Th không thực hiện. Do vậy, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà C theo hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C nên xét yêu cầu của bà C là có cơ sở chấp nhận.

Về lãi suất: Bà C không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà C không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận và không xem xét tính lãi suất.

Từ những phân tích trên, buộc bà Đoàn Thị Th phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền nợ là 100.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc Đoàn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 5.000.000 đồng

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng C được chấp nhận nên bà Cẩm không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà C số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0011029 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng C về việc yêu cầu bà Đoàn Thị Th có trách nhiệm trả nợ cho bà.

2. Buộc bà Đoàn Thị Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền nợ vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị Hồng C, nếu bà Đoàn Thị Th không chịu trả số tiền như án tuyên thì hàng tháng bà Đoàn Thị Th còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bác yêu cầu của bà Đoàn Thị Th về việc bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị Hồng C nhiều lần với số tổng tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), bà đã có trả dần cho bà C số tiền là 82.000.000 đồng (Tám mươi hai triệu đồng) và bà chỉ đồng ý trả tiếp cho bà Cẩm số tiền là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Đoàn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011029 ngày 10/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thế Trang Đền